

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH HÀ NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2023/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 07 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024  
trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Thực hiện Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Xét Tờ trình số 2325/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam như đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 2325/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023, với các nội dung sau:**

1. Phạm vi điều chỉnh.

Phạm vi điều chỉnh: thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

a) Diện tích tưới, tiêu do các Công ty khai thác công trình thủy lợi phục vụ.



- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với diện tích đất trồng lúa:

+ Đối với diện tích được tưới, tiêu chủ động: tưới, tiêu chủ động bằng động lực mức giá là 1.646.000 đồng/ha/vụ; tưới, tiêu chủ động bằng trọng lực mức giá là 1.152.000 đồng/ha/vụ.

+ Diện tích được tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá được tính bằng 60% mức giá của diện tích tưới, tiêu chủ động.

+ Diện tích chỉ tạo nguồn tưới, tiêu: Diện tích tạo nguồn bằng động lực mức giá bằng 50% mức giá của diện tích tưới, tiêu chủ động bằng động lực; diện tích tạo nguồn bằng trọng lực mức giá bằng 40% mức giá của diện tích tưới, tiêu chủ động bằng trọng lực.

Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch, được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tưới, tiêu chủ động.

Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới là 70%, mức giá cho tiêu là 30% mức giá quy định ở trên.

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với diện tích trồng rau, màu, mạ, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Đông bằng 40% mức giá của diện tích trồng lúa tương ứng với từng biện pháp công trình.

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với diện tích nuôi trồng thủy sản:

+ Đối với diện tích ao, đầm, hồ chuyên nuôi trồng thủy sản được công trình thủy lợi cấp và tiêu nước, thay nước theo kỹ thuật nuôi trồng thủy sản quy định (*thời gian từ 09 tháng trở lên trong một năm*) mức giá là 250 đồng/m<sup>2</sup> mặt nước/năm (*lấy diện tích được giao sử dụng đất làm căn cứ*).

+ Diện tích chuyên nuôi trồng thủy sản nhưng công trình thủy lợi chỉ cấp nước lần đầu mà không thay nước theo yêu cầu kỹ thuật, mức giá là 125 đồng/m<sup>2</sup> mặt nước/năm (*lấy diện tích được giao sử dụng đất làm căn cứ*).

+ Đối với diện tích chuyển đổi từ sản xuất hai lúa, sang sản xuất đa canh theo mô hình Lúa - Cá quy định như sau:

+ Diện tích trồng lúa thì mức giá theo mức của cây lúa.

+ Diện tích đã cấy lúa sau khi thu hoạch lúa, thời gian còn lại trong năm nuôi trồng thủy sản thì mức giá lấy theo nuôi trồng thủy sản, với mức 125 đồng/m<sup>2</sup> mặt nước.

- Trường hợp cấp nước cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu mức giá bằng 80% giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa/vụ và bằng 1.316.800 đồng/ha/năm đối với diện tích tưới chủ động; mức giá của diện tích tưới chủ động một phần và tạo nguồn tính tương tự như cây lúa.



- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (*trừ vùng nội thị*) bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ và bằng 82.300 đồng/ha/năm.

Các mức giá nêu trên là mức giá tính từ điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi của tổ chức thủy lợi cơ sở đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi và là mức giá không có thuế giá trị gia tăng.

b) Các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trong vùng hệ thống thủy lợi do các Công ty khai thác công trình thủy lợi quản lý (*gọi tắt là hợp tác xã trong vùng*) phải bơm chuyển tiếp phần sau của các Công ty khai thác công trình thủy lợi để thực hiện đến mức chủ động được tính mức giá như sau:

- Tưới, tiêu tiếp từ tạo nguồn mức giá bằng 50% mức giá tưới, tiêu chủ động của từng loại cây trồng tương ứng.

- Tưới, tiêu tiếp từ chủ động một phần thì mức giá bằng 40% mức giá tưới tiêu chủ động của từng loại cây trồng tương ứng.

c) Các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi ngoài vùng hệ thống thủy lợi của các Công ty khai thác công trình thủy lợi (*gọi tắt là các hợp tác xã ngoài vùng*) tự quản lý công trình đầu mối lấy nước từ sông tự nhiên (*sông Hồng, sông Đáy*), mức giá của những diện tích tưới tiêu được tính như mức giá trong vùng của các Công ty khai thác công trình thủy lợi

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam Khóa XIX, Kỳ họp thứ mười sáu (*Kỳ họp thường lệ cuối năm 2023*) thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: NN và PTNT, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, NN và PTNT, Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Hoàng**

